

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-ST

Ngày: 11 - 8 -2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên

2. Ông Lưu Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST- DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-DS ngày 22-6-2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 52 Tôn Thất T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 28 Chi L, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Nguyên N, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: 28 Chi L, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 20-02-2020 và bản tự khai ngày 09-6-2020, biên bản hòa giải ngày 09-6-2020 và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 17-6-2018 anh cho bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Khi vay tiền bà H, bà N có viết cho anh một giấy vay tiền đề ngày 17-6-2018, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay. Ngày 17-12-2018 bà H và bà N tiếp tục viết giấy hẹn trong vòng 03 tháng sẽ trả số tiền vay nêu trên. Từ khi viết giấy hẹn cho đến

nay, bà H và bà N chưa trả lãi và gốc theo thỏa thuận, anh đã nhiều lần yêu cầu bà H và bà N trả cho anh số tiền trên và lãi nhưng bà H và bà N không trả.

Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N phải trả cho anh 30.000.000 đồng và tiền nợ lãi chậm trả tính từ ngày 18-3-2019 đến ngày 11-8-2020 với mức lãi suất 10%/năm.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N. Tuy nhiên, bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N có nơi cư trú tại 28 Chi L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền vay 30.000.000 đồng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2]. Bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N.

[3] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là “Hợp đồng cho vay tiền” đề ngày 17-6-2018 và văn bản đề ngày 17-12-2018 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký ghi tên Trần Thị H và Võ Thị Nguyên N, nguyên đơn cho rằng đã yêu cầu bà H, bà N trả nợ nhiều lần, quá thời hạn 03 tháng đã thỏa thuận nhưng bà H, bà N không trả. Bà H, bà N đã được Tòa án tổng đạt đơn khởi kiện, cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo đúng quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối, do đó có căn cứ xác định Hợp đồng cho vay tiền mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và thời hạn trả nợ như nguyên đơn đã trình bày cho Tòa án là đúng sự thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng dân sự vay tài sản ngày 17-6-2018 giữa anh Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N là hợp đồng vay có lãi, có thời hạn, được giao kết hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã cam kết, nhưng do bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên anh Nguyễn Văn H khởi kiện là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, buộc bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N phải trả cho

anh Nguyễn Văn H 30.000.000 đồng nợ gốc theo quy định tại Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về nợ lãi: Xét các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, anh H khai lãi suất 3%/ tháng, bà H, bà N không tham gia tố tụng nên không có lời khai; anh H yêu cầu bà H và bà N phải trả nợ lãi của số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 18-3-2019 đến ngày 11-8-2020 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do vậy, tiền nợ lãi mà bà H, bà N phải trả cho anh H được tính như sau:

Từ ngày 18-3-2019 đến ngày 11-8-2020 là 508 ngày: $30.000.000 \text{ đồng} \times 508 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 4.175.342 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số nợ gốc và nợ lãi mà bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N phải trả cho anh Nguyễn Văn H là $30.000.000 \text{ đồng} + 4.175.342 \text{ đồng} = 34.175.342 \text{ đồng}$.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh H được chấp nhận nên bà H và bà N phải chịu 1.708.767 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Buộc bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N phải trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền 34.175.342 đồng, trong đó 30.000.000 đồng nợ gốc và 4.175.342 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N phải chịu 1.708.767 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn H 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số 0004898 ngày 23-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bà Trần Thị H và bà Võ Thị Nguyên N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu